

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2018/DS-PT

Ngày: 27/6/2018.

"*Tranh chấp phurong ,hụi*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân và bà Lang Thị Duyên .

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hòa. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc "*Tranh chấp phurong ,hụi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá C sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn :

- Ông Trần Hữu S, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị P sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ : Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Trần Hữu T (chồng chị P) sinh năm 1970. Có mặt.

2- Bà Nguyễn Thị C. Tên thường gọi : Bà H sinh năm 1946. Có mặt. Đều cùng Địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Đ, T. Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C :

- Ông Trần Hữu S, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Bá C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2017, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn là anh Nguyễn Bá C cũng như người đại diện (*ông S*) trình bày: Ngày 15/3/2015 chị Trần Thị P (bị đơn) thành lập phường với mỗi suất 1.000.000đ/tháng, anh Nguyễn Bá C đang làm ăn ở miền Nam nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị C (còn tên khác bà H) đăng ký tham gia 2 suất. Anh có làm giấy nhờ bà C nạp và chị P có biết.

Hàng tháng anh C gửi tiền về cho bà C nạp tiền đầy đủ. Theo cam kết phường có 28 suất, ai bốc trước phải đầu, cao nhất thì thắng và được bốc phường, anh C không đầu mà nhận 2 suất cuối với tổng số tiền là 52.000.000đ vào ngày 15/5/2017 và 15/6/2017.

Đến hạn bốc phường của anh C thì chị P không cho nhận với lý do giữ lại để trừ nợ vào phường chị M (con dâu bà C).

Anh C khởi kiện yêu cầu chị P trả cho anh số tiền phường được nhận là 52.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 18/5/2017 đến nay là 3.640.000đ.

Bị đơn là chị Trần Thị P và người liên quan là anh Nguyễn Hữu T (chồng chị P) trình bày : Ngày 15/3/2015 chị P có gây phường với 22 thành viên, 28 suất, mỗi suất 1.000.000đ. Phường không cử thư ký nên chị P viết biên bản họp phường luôn. Phường có bà H (tức là bà C là mẹ của anh C) tham gia 2 suất. Bà C không đầu mà nhận 2 suất cuối là ngày 15/5 và ngày 15/6/2017, trừ tiền chè nước và công trưởng phường thì bà C được nhận 51.600.000đ. Đến hạn được nhận chị không cho bà C nhận vì bà C đang nhận bảo lãnh nợ tiền phường cho chị (con dâu bà) là 62.000.000đ.

Trong Biên bản họp phường cũng như trên thực tế đi nạp không có ai là anh C mà chỉ có tên bà C và bà đi nạp. Bà C khiếu nại và nạp giấy ủy quyền của anh C nhưng chị chưa bao giờ thấy giấy đó. Anh C không phải là thành viên của phường vì vậy chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

Theo bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Bá Đ (là bố và mẹ của anh C) trình bày: Do con trai đi làm ăn xa đặt vấn đề tham gia phường do chị P chủ phường nên viết giấy ủy quyền cho bà C theo phường, việc này chị P biết và thời điểm anh C về UBND xã H xác nhận là ngày 15/3/2016. Hàng tháng anh C gửi tiền về thì ông bà đã nạp đủ. Đây là tiền và suất của anh C còn bà C chỉ nạp hộ nên không liên quan gì. Các tài liệu về phường đều do chị P viết nên không khách quan. Đề nghị Tòa án buộc chị P phải trả tiền phường cho anh C.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Điều 26 NQ 326/2016 của UBND tỉnh 14.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá C về việc buộc chị Trần Thị P trả lại số tiền phường: tiền gốc 52.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tiền gốc là 3.640.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 anh Nguyễn Bá C có Đơn kháng cáo, với nội dung: Bà Nguyễn Thị C (mẹ anh) đã khởi kiện bà P ra Tòa nhưng bà Lưu Thị Hồng Thê (Thẩm phán) không chấp nhận đơn của bà C mà yêu cầu anh khởi kiện và sau đó Tòa án ra Bản án bác đơn khởi kiện và buộc anh phải chịu án phí là trái pháp luật. Bà P không khởi kiện nhưng Tòa án nhập hai vụ án khác nhau để xét xử và không buộc bà P chịu án phí là không đúng. Gia đình mẹ anh (bà C) thuộc hộ nghèo, đã gần 80 tuổi thì không thể có tiền theo phường đề nghị Tòa án kiểm tra lại hồ sơ về việc anh và vợ anh chuyển tiền tại Ngân hàng để xét xử và hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người được anh C ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì thêm và đề nghị chị P phải trả tiền gốc và tiền lãi như yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là chị P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trả tiền phường và lãi cho anh C.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTD, người kháng cáo nạp đơn, nạp tiền tạm ứng trong hạn nên chấp nhận. Về nội dung: Anh C khởi kiện nhưng anh không là thành viên của phường, giấy ủy quyền bà P không thừa nhận nên cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện là đúng, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí anh C nộp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo của anh đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh C:

Về tố tụng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà C và hướng dẫn anh khởi kiện nhưng không tài liệu gì thể hiện tại hồ sơ vụ án cũng như không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nội dung: Anh C kháng cáo đề nghị xem xét việc vợ chồng anh chuyển tiền về cho bố mẹ anh, cấp sơ thẩm bác đơn và buộc anh chịu án phí không đúng.

Cấp phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ như Biên bản họp phường, sổ sách ghi chép việc nộp, đầu, người nhận phường hàng tháng đều không có tên anh. Giấy ủy quyền anh làm ngày 15/3/2015 được UBND xã H xác nhận nhưng chị P không biết, không được chị P thừa nhận vì vậy không thể có cơ sở để buộc bà Phượng phải thanh toán tiền phường cho anh. Bà C (mẹ anh) là người có tên trong phường, là thành viên của phường đã nộp phường hàng tháng đúng cam kết của phường quy định nhưng chưa được nhận phường thì bà C mới là người khởi kiện. Anh là người thực tế chuyển tiền về để bà C đi nộp nhưng không phải là thành viên của phường vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của anh là đúng quy định. Việc Tòa án sơ thẩm buộc anh chịu án phí và chị P không phải chịu án phí là đúng quy định tại Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

Trên cơ sở lập luận trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo anh C cần về việc buộc chị P trả tiền phường và tiền lãi.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận cho nên anh C cần phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Bá C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Điều 26 NQ 326/2016 của UBND tỉnh 14.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá C về việc buộc chị Trần Thị P trả lại số tiền phưởng: tiền gốc 52.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tiền gốc là 3.640.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Bá C phải chịu: 2.782.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002920 ngày 17/10/2017 của Chi cục THADS huyện Đô Lương. Anh C còn phải nộp: 1.417.000đ (Một triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Bá C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001805 ngày 12/02/2018 của Chi cục THADS huyện Đô Lương.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND H. Đô Lương
- THADS H.Đô Lương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà